TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 6 - 2018
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Hòa.

2. Ông Trần Văn Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **T.** Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. *(có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt)*

2. Bị đơn: Ông **H.** Địa chỉ: Australia. Tạm trú: tỉnh Long An. *(có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018 và Đơn yêu cầu v/v yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 07/5/2018, nguyên đơn bà T trình bày:** Vào năm 2008, bà quen biết ông H và hai người chung sống với nhau được 01 năm tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau một thời gian sống chung và tìm hiểu, hai người đã tự nguyện đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 206 ngày 21/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng và hai người có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Trong thời gian sống chung thì bà và ông H có với nhau một người con chung là cháu G, sinh ngày 09/9/2008. Sau khi kết hôn khoảng 06 tháng, giữa bà và ông H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng tính cách, quan điểm sống, ông H hay vắng nhà không chăm sóc mẹ con bà. Từ lý do đó, bà mới đưa con về nhà mẹ ruột tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng sinh sống và không còn chung sống với ông H cho đến nay.

Nay nhận thấy mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc giữa bà và ông H là không đạt được, tình cảm giữa hai người đã không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, hai người không thể hàn gắn tình cảm để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Do con chung là cháu G đã sống chung với bà từ nhỏ cho đến nay nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà yêu cầu Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt trong tất cả các phiên tòa xét xử vụ án, bà cam kết không khiếu nại gì về sau.

*** Theo Đơn yêu cầu v/v giải quyết ly hôn và xét xử vắng mặt đề ngày 17/4/2018, bị đơn ông H trình bày:** Vào năm 2008, ông quen biết bà T và hai người chung sống với nhau được 01 năm tại thành phố Hồ Chí Minh và có với nhau một người con chung là cháu G, sinh ngày 09/9/2008. Sau một thời gian sống chung, hai người đã tự nguyện đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 206 ngày 21/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn khoảng 06 tháng, giữa ông và bà T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng tính cách, quan điểm sống. Từ lý do đó, bà T mới đưa con về nhà mẹ ruột tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng sinh sống và sống ly thân với ông cho đến nay.

Ông nhận thấy mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc giữa ông và bà T không đạt được, tình cảm hai người đã không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý, nếu kéo dài cũng làm tổn thương nhau, hai người không thể hàn gắn tình cảm để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nay ông được biết bà T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông, ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông yêu cầu Tòa án xem xét chấp nhận cho ông và bà T được ly hôn theo quy định của pháp luật Việt Nam, để trả tự do cho nhau.

- Về con chung: Do hiện nay con chung là cháu G đang sống chung ổn định với bà T từ nhỏ nên ông đồng ý theo yêu cầu của bà T, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân không có, nên ông yêu cầu Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Hiện nay, công việc của ông tại Australia rất bận rộn, không có điều kiện về Việt Nam tham gia tố tụng trong vụ án nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa xét xử vụ án, ông cam đoan không khiếu nại gì về sau và cũng không có kháng cáo bản án sơ thẩm.

*** Theo nội dung Biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2018, cháu G là con chung của bà T và ông H trình bày:** Cha mẹ cháu là ông H và bà T. Hiện nay, cháu đang sống với mẹ, tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Nay mẹ cháu đã nộp đơn xin ly hôn với cha cháu tại Tòa án, cháu đồng ý sống với mẹ và cho mẹ nuôi dưỡng cháu sau khi cha mẹ cháu ly hôn với nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn T yêu cầu được ly hôn với bị đơn H và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu G, sinh ngày 09/9/2008 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bị đơn H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết; Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn T và bị đơn H đều có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn T và bị đơn H.

[3] Ngày 07/5/2018 nguyên đơn T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[II] Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông H là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/8/2009, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, hai người chỉ chung sống được khoảng 06 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai người bất đồng tính cách, quan điểm sống, ông H hay vắng nhà không chăm sóc mẹ con bà T. Từ đó, bà T mới đưa con chung là cháu G, sinh ngày 09/9/2008 trở về sống tại nhà mẹ ruột cho đến nay, cũng từ thời điểm đó mà bà T và ông H sống ly thân với nhau. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng bà T và ông H không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể tồn tại, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Theo bà T yêu cầu ly hôn với ông H thì ông H cũng đồng ý. Do vậy,

yêu cầu khởi kiện của bà T xin được ly hôn với ông H là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho bà T được ly hôn với ông H.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông H có với nhau 01 người con chung là cháu G, sinh ngày 09/9/2008, bà T yêu cầu giải quyết cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu G cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện nay cháu G đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng sống chung với bà T khi bà T và ông H ly hôn, bà T cũng có thu nhập ổn định, có đủ khả năng để nuôi dạy cháu G đến tuổi trưởng thành, phía ông H cũng thống nhất giao cháu G cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu G cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông H sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Bà T và ông H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 300.000đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Giao cháu G, sinh ngày 09/9/2008 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn khi ly hôn: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003012 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hùng Nuôi

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;*
- *UBND huyện A;*
- *Lưu HSVA-TDS.*